

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ)

Biểu số 3

Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH**
MSDN: 0301897104

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Chánh, ngày 17 tháng 5 năm 2023

Số: 407 /DVCI

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1:

- Sản phẩm sản xuất chủ yếu là sản phẩm dịch vụ công ích

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 là 119.534 triệu đồng, đạt 90,45% kế hoạch năm và bằng 100,9% so cùng kỳ năm 2021. Doanh thu năm 2022 tăng so với năm 2021 chủ yếu do trong năm 2022 có ghi nhận doanh thu hoạt động thu gom rác phong tỏa và rác F0 tại nhà năm 2021.

- Tổng lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp là 6.889 triệu đồng đạt 123,21% kế hoạch, tăng 5,71% so với thực hiện năm 2021.

- Doanh nghiệp có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2022 là 7.163 triệu đồng đạt 88% so với kế hoạch năm và tăng 8,6% so với năm 2021.

- Doanh nghiệp hoàn thành vượt kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

+ Hoạt động vận chuyển rác: Khối lượng thực hiện là 4.127.677(T-Km), tương đương 56.374 triệu đồng, đạt 112,61% kế hoạch, tăng 19,37% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Hoạt động quét, thu gom rác: Khối lượng thực hiện là 196.762.266 (m²qui ước), tương đương 29.136 triệu đồng, đạt 102,57% kế hoạch, giảm 2,05% so với cùng kỳ năm 2021.

2. Khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đến ngày 31/12/2022, ngân sách chưa thanh toán cho công ty kinh phí môi trường số tiền 66.325.599.841 đồng. Công ty gặp khó khăn về kinh phí hoạt động:

+ Kinh phí thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (phần còn lại năm 2022): 41.329.174.170; Kinh phí quét dọn vệ sinh đường phố T5 đến T12/22:

11.978.128.117 đồng; Kinh phí QL, CS CV CX trên địa bàn HBC (còn lại năm 2021, 2022): 7.453.027.332 đồng.

+ Đơn giá chính thức công tác vận hành trạm ép rác kín năm 2015 đến năm 2017 chưa được ban hành. Khoản kinh phí mà ngân sách còn phải thanh toán cho công ty ghi nhận theo đơn giá tạm tính là 3.453.087.622 đồng.

+ Công nợ của công trình vớt rác, cỏ, lục bình các tuyến kênh rạch trên địa bàn huyện Bình Chánh, ngân sách còn phải thanh toán cho công ty là 67.060.400 đồng.

+ Công ty đã thực hiện công tác thu gom rác tại các khu phong tỏa, thu gom rác y tế tại nhà các trường hợp F0, F1 từ tháng 6/2021, đến nay chưa được duyệt kinh phí. Công ty đã ghi nhận công nợ hoạt động này số tiền 2.045.122.200 đồng.

- Khoản phải nộp ngân sách từ việc thu tiền cho thuê nhà sở hữu nhà nước của hộ ông Nguyễn Văn Hiền số tiền 220.416.900 đồng. Đến nay vụ kiện vẫn chưa giải quyết xong, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đang thụ lý hồ sơ.

- Công nợ hoạt động cưỡng chế (tính đến 31/12/2022): Công nợ phải thu của các xã đối với những hợp đồng đã thực hiện là 1.880.283.000 đồng, khoản nợ này kéo dài từ năm 2017 đến nay.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch | Giá trị thực hiện |
|------------|---|------------|-----------------|--------------------------|
| 1 | Sản phẩm chủ yếu sản xuất | | | |
| a) | Vận chuyên rác | Tấn-Km | 3.665.526 | 4.127.677 |
| b) | Quét, thu gom rác | m2 quy ước | 191.839.000 | 196.762.266 |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 132.151 | 119.534 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 5.591 | 6.889 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 4.473 | 5.467 |
| 5 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | Tỷ đồng | 8.140 | 7.163 |
| 6 | Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có) | Tỷ đồng | | |
| 7 | Sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường | | | |

| | | | | |
|----|--------------------|------------|-------------|-------------|
| | xuyên | | | |
| a) | Vận chuyển rác | Tấn-Km | 3.665.526 | 4.127.677 |
| b) | Quét, thu gom rác | m2 quy ước | 191.839.000 | 196.762.266 |
| 8 | Tổng số lao động | Người | 286 | 274 |
| 9 | Tổng quỹ lương | Tỷ đồng | 30,716 | 37,573 |
| a) | Quỹ lương quản lý | Tỷ đồng | 1,694 | 2,033 |
| b) | Quỹ lương lao động | Tỷ đồng | 29,022 | 35,540 |

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN: không có

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP: không có

| TT | Tên dự án | Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) | Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng) | Vốn vay (tỷ đồng) | Vốn khác (tỷ đồng) | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng) | Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...) |
|----|---------------------------|---------------------------|--------------------------|-------------------|--------------------|---|---|
| | Dự án quan trọng quốc gia | | | | | | |
| | Dự án nhóm A | | | | | | |
| | Dự án nhóm B | | | | | | |

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: không có

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI: không có

| TT | Tên doanh nghiệp | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng) | Tổng tài sản (tỷ đồng) | Doanh thu (tỷ đồng) | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) | Lợi nhuận nộp về công ty mẹ | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng) | Tổng nợ phải trả (tỷ đồng) |
|---|------------------|-----------------------|--|------------------------|---------------------|--------------------------------|------------------------------|-----------------------------|---|----------------------------|
| 1 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ | | | | | | | | | | |
| 1.1 | Công ty A | | | | | | | | | |
| 1.2 | Công ty B | | | | | | | | | |
| 2 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Công ty C | | | | | | | | | |
| 2.2 | Công ty D | | | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch-Đầu tư;
- UBND TPHCM;
- UBND HBC;
- KSV;
- Lưu VT.



Nguyễn Duy Tân